

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1090/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2019

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 233/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, Quyết định ngừng phiên tòa số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Kim T, sinh năm 1972 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn T, sinh năm 1962 (có đơn xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Tiệm sửa xe Duy Thanh, đường Tỉnh lộ 8, tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn xin ly hôn ngày 05/11/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Kim T trình bày sự việc như sau:

Bà (Lê Kim T) và ông Phan Văn T kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 141, quyển số 02/03, đăng ký ngày 04/9/2003.

Sau khoảng thời gian chung sống với nhau, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt về cách sống, quan điểm sống, chồng bà có nhân tình mới, nhiều lần kiếm chuyện rồi dọa đánh bà, làm cho gia đình mất hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa. Vợ chồng bà sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm chăm sóc, thương yêu nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung, tên là: Phan Hiền T, sinh ngày 16/12/1995.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 06/7/2019, bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Kim T.

Vợ chồng ông có 01 người con chung, đã có gia đình riêng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phan Văn T hiện nay đang sinh sống tại tổ 8, ấp Hội Thạnh, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt nhưng ông T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Kim T về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phan Văn T, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Lê Kim T và ông Phan Văn T kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 141, quyển số 02/03, đăng ký ngày 04/9/2003, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời bà T trình bày thì sau khoảng thời gian chung sống với nhau, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt về cách sống, quan điểm sống, chồng bà có nhân tình mới, nhiều lần kiếm chuyện rồi dọa đánh bà, làm cho gia đình mất hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa. Vợ

chồng bà sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm chăm sóc, thương yêu nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông T.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2019, bị đơn ông Phan Văn T cũng đồng ý ly hôn với bà Lê Kim T.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà Thanh và ông T có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu, hôn nhân giữa bà T và ông T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T là xin được ly hôn với ông T là có cơ sở.

- Về con chung:

Bà T và ông T có 01 con chung, tên là: Phan Hiền T, sinh ngày 16/12/1995, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

- Tài sản chung:

Bà T khai về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà T khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Kim T được quyền ly hôn với ông Phan Văn T.

- Về con chung:

Bà T và ông T có 01 con chung, tên là: Phan Hiền T, sinh ngày 16/12/1995, đã thành niên.

- Về tài sản chung:

Bà T khai về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà T khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà T phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008107 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Phan Văn T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Tam Giang, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương